

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Hải
- Ông Nguyễn Minh Toàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L; nơi ĐKNKTT: Số 22/433 Hùng Vương, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Thôn Viên L, xã Việt T, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T; nơi ĐKNKTT: Số 22/433 Hùng Vương, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 06/12/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T không có trách nhiệm với vợ con và

gia đình nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Vĩnh Bảo để sinh sống. Tháng 9/2022, anh T bị Cơ quan Công an quận Hồng Bàng bắt giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang tạm giữ tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng chờ ngày xét xử. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 22/8/2011 và cháu Nguyễn Phương L1, sinh ngày 07/01/2013. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao hai con cho chị là người trực tiếp chăm sóc các con cho đến khi con trưởng thành, do anh T đang bị tạm giam nên không đủ điều kiện để chăm sóc con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Đức T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã lấy được lời khai của anh T hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thể hiện: Anh T thống nhất với chị L về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên việc chị Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh. Quan điểm của anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Phương L1, sinh ngày 07/01/2013. Ly hôn, anh nhất trí đề nghị Tòa án giao hai con cho chị L là người trực tiếp chăm sóc các con cho đến khi các con trưởng thành do anh đang bị tạm giam nên không đủ điều kiện để chăm sóc con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng:
Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Giao con Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Phương L1, sinh ngày 07/01/2013 cho chị L được trực tiếp chăm sóc các con cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con, bị đơn anh Nguyễn Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/12/2010 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị để sinh sống. Đến tháng 9/2022 anh T bị Cơ quan Công an quận Hồng Bàng bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng nên từ đó vợ chồng càng xa cách. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Phương L1, sinh ngày 07/01/2013. Ly hôn chị L và anh T đều nhất trí giao các con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mặt khác, hai con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét đây là sự tự nguyện của chị L, anh T và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng

nuôi con chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Phương L1, sinh ngày 07/01/2013 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con chung của chị L được thực hiện cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai ký hiệu: AA/2021 số 0009712 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Đức T (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Ngọc Hải

Nguyễn Minh Toàn

Trần Thị Quỳnh Như

